

NGHỊ QUYẾT

Kết quả giám sát tình hình triển khai thực hiện các chỉ tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XIV, nhiệm kỳ 2016-2021;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2020; Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thành lập Đoàn giám sát tình hình triển khai thực hiện các chỉ tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020;

Trên cơ sở báo cáo kết quả giám sát số 270/BC-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Đoàn giám sát; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành nội dung Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 136/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm, giai đoạn 2016-2020, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Kết quả đạt được

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết, hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời chỉ đạo các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn các địa phương

thực hiện các mục tiêu đảm bảo kế hoạch, hiệu quả. Đến 31 tháng 12 năm 2019 đã có 23/32 chỉ tiêu và ước đến hết năm 2020, 100% chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra. Kinh tế phát triển khá, chất lượng tăng trưởng được cải thiện, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp; thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tăng cao; kết cấu hạ tầng, kinh tế - xã hội tiếp tục được quan tâm đầu tư; thực hiện tốt chương trình xây dựng nông thôn mới; quản lý bảo vệ tài nguyên, môi trường được tăng cường; chủ động cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; chất lượng giáo dục, công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phòng chống dịch bệnh được đảm bảo; các hoạt động về văn hoá, tinh thần hướng đến đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; quan tâm thực hiện các chính sách an sinh xã hội, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng lên; quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, đường biên, mốc giới; tiếp tục xây dựng đường biên giới hoà bình, hợp tác và phát triển; hoạt động đối ngoại được tăng cường.

2. Hạn chế

a) Việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 chưa chi tiết cho các huyện, thành phố và chưa thống nhất nội dung một số chỉ tiêu thực hiện, dẫn đến đánh giá chỉ tiêu không chính xác giữa các đơn vị. Một số chỉ tiêu thực hiện chưa đạt kế hoạch: Diện tích cây cao su 12.969/14.275 ha, tốc độ tăng trưởng đàn gia súc 1,23/5,5%, tổng đàn gia súc 329.270/410.000 con, diện tích nuôi trồng thủy sản 953/1.010 ha, tổng sản lượng thủy sản 12.239/18.881 tấn, số giường bệnh/1 vạn dân 33,68/34,11%, tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ các loại vắc xin 94,2/95% ; chỉ tiêu số bác sỹ trên 10.000 dân ước đến hết năm 2020 khó đạt.

b) Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp còn ít (*hiện chiếm 0,4% tổng số doanh nghiệp của tỉnh*); nhân rộng các mô hình trong sản xuất nông nghiệp và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hoá (*gạo chủ yếu tiêu thụ trong tỉnh, chè xuất thô hoặc phải thông qua doanh nghiệp ở địa phương khác để xuất khẩu*); liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp còn hạn chế. Việc công nhận, duy trì, nâng cao một số tiêu chí nông thôn mới có nơi chưa bền vững, nhất là tiêu chí về thu nhập, giảm nghèo, môi trường.

c) Thực hiện một số dự án đầu tư chậm tiến độ theo kế hoạch đề ra: Trụ sở làm việc Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Trung tâm hội nghị văn hóa huyện Nậm Nhùn; hạ tầng giáo dục, Y tế, thương mại - dịch vụ và khu dân cư thị trấn Nậm Nhùn, đường giao thông từ thành phố Lai Châu đi thị trấn Sìn Hồ; công tác giải ngân vốn đầu tư hàng năm không đạt kế hoạch giao, nhất là các nguồn vốn được giao bổ sung trong năm, vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây

dựng nông thôn mới. Công tác quản lý, vận hành sau đầu tư các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn, nhà văn hóa, trường lớp học, nhà công vụ giáo viên ở một số nơi hiệu quả sử dụng thấp (130 công trình cấp nước sinh hoạt, chiếm 16,15% không hoạt động); một số công trình thủy lợi trên địa bàn xã Nậm Hăn huyện Sìn Hồ, xã Lê Lợi huyện Nậm Nhùn, xã Khoen On, xã Ta Gia huyện Than Uyên và công trình thủy lợi Huổi Ngô, Huổi Cườm xã Can Hồ huyện Mường Tè đã đầu tư chưa đưa vào sử dụng do chưa chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp còn ít. Công tác điều hành dự toán chi ngân sách một số nơi chưa chặt chẽ, còn xảy ra vi phạm. Công tác giải phóng mặt bằng, tiến độ giải ngân, phê duyệt quyết toán một số dự án còn chậm ảnh hưởng đến việc hoàn thành công trình.

d) Thực hiện các chương trình trọng điểm có nội dung, mục tiêu chưa đạt kế hoạch đề ra: Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND tỉnh về đề án phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020. Hết năm 2019 còn 10/18 chỉ tiêu và ước đến hết năm 2020 còn 08/18 chỉ tiêu không đạt mục tiêu (sản lượng lương thực có hạt đạt 220/225 nghìn tấn, diện tích cây quế đạt 7.356/10.000 ha, diện tích cây Sơn tra đạt 2.060/3.000 ha, tốc độ tăng trưởng đàn gia súc ước đạt 1,2%/5-6%/năm; tổng thể tích nuôi cá nước lạnh tập trung đạt 15.678/30.000m³, sản lượng đạt 169/450 tấn/năm, sản lượng nuôi cá lồng trên các lồng hồ thủy điện đạt 520/600 tấn/năm, thu nhập của người dân khu vực nông thôn đạt 17,96/23 triệu/người/năm); việc thực hiện các thủ tục về đất đai còn chậm dẫn đến khiếu kiện trong Nhân dân kéo dài; công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản có lúc, có nơi chưa chặt chẽ (*khai thác vàng ở Mường Tè, đất hiếm ở Tam Đường*); nước thải, chất thải rắn, rác thải độc hại ở một số nơi chưa được xử lý theo quy định, đặc biệt là nước thải, chất thải tại các bệnh viện.

e) Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo nhất là vùng đặc biệt khó khăn, tỷ lệ huy động học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở vào Trung học phổ thông đạt thấp; phổ cập giáo dục Trung học cơ sở một số xã chưa bền vững, tỷ lệ người từ 15 - 60 tuổi mù chữ còn cao (31,8%).

f) Chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh và hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng các trang thiết bị y tế ở một số trung tâm y tế, trạm y tế xã còn thấp. Hệ thống y tế phát triển chưa cân đối giữa các lĩnh vực; mạng lưới y tế dự phòng, nhất là tuyến huyện hoạt động còn yếu. Kết quả chương trình công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình chưa bền vững; chất lượng dân số vùng đặc biệt khó khăn còn thấp, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp, còi còn cao (22% và 29,64%); tình trạng mất an toàn vệ sinh thực phẩm còn xảy ra.

g) Việc đầu tư, quản lý, sử dụng các thiết chế văn hóa thể thao cơ sở một số nơi hiệu quả thấp. Việc bình xét, công nhận khu phố, thôn, bản, gia đình văn hóa

nhiều nơi còn hình thức; tỷ lệ chênh lệch mức hưởng thụ văn hóa giữa các vùng trong tỉnh chậm được thu hẹp.

h) Giảm tỷ lệ hộ nghèo nhanh nhưng chưa bền vững, tỷ lệ hộ thoát nghèo nhưng tái nghèo hàng năm còn cao (18%). Chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở một số địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu về chất lượng, cơ cấu ngành nghề.

i) Việc triển khai, thực hiện một số chính sách dân tộc, kế hoạch thực hiện chiến lược công tác dân tộc còn chậm; các hủ tục lạc hậu, tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ở một số nơi chậm được khắc phục. Công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo còn hạn chế, an ninh nông thôn còn tiềm ẩn phức tạp.

j) Chỉ số năng lực cạnh tranh, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh nằm trong nhóm các tỉnh thấp nhất toàn quốc.

3. Nguyên nhân hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan: Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, xa các trung tâm kinh tế lớn. Xuất phát điểm, quy mô, tiềm lực kinh tế còn thấp. Nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước giảm so với giai đoạn trước, việc huy động các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách cho phát triển kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn. Thiên tai xảy ra hàng năm trên địa bàn, gây thiệt hại về người, tài sản, cây trồng, vật nuôi ảnh hưởng đến đời sống sản xuất và sinh hoạt của người dân. Các thế lực thù địch tiếp tục gia tăng các hoạt động "diễn biến hoà bình", nhằm chống phá, chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc, gây khó khăn cho công tác bảo vệ an ninh biên giới, an toàn xã hội.

b) Nguyên nhân chủ quan: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp có lúc, có việc chưa sâu sát, chưa quyết liệt, thiếu đồng bộ; cải cách hành chính hiệu quả chưa rõ nét. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành có lúc chưa chặt chẽ, kịp thời. Doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh hầu hết có quy mô nhỏ, năng lực cạnh tranh thấp. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chưa toàn diện; một số cán bộ, công chức, viên chức chưa tâm huyết, trách nhiệm với công việc.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục tập trung quyết liệt thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 136/2015/NQ-HĐND và Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND để các chỉ tiêu đề ra đều đạt và vượt kế hoạch giao.

2. Giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2021-2025 chi tiết đến từng huyện, thành phố.

3. Thực hiện tốt các giải pháp cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh, tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, địa phương

tạo điều kiện, thu hút, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn thị trường. Nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới ở các xã đã được công nhận, nhất là các tiêu chí về hạ tầng, hộ nghèo, thu nhập và môi trường.

4. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Tập trung chỉ đạo, phấn đấu thực hiện đạt và vượt kế hoạch được giao.

b) Giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2021-2025 chi tiết đến từng xã, phường, thị trấn.

c) Quan tâm hình thành phát triển sản phẩm địa phương có lợi thế; chú trọng đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất đáp ứng yêu cầu sản xuất bền vững.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện tại kỳ họp cuối năm 2020 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khoá XIV, kỳ họp thứ mười bốn thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hoàn

